

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM THƠ CAO BÁ QUÁT

Lê Thị Dung¹

TÓM TẮT

Cao Bá Quát (1809 -1855) - một nhà thơ lớn, một hiện tượng độc đáo trong văn học trung đại Việt Nam. Thơ ông không chỉ cho thấy một nhân cách, một bản lĩnh kẻ sĩ đáng nể trọng (qua hình tượng tác giả), mà còn cho thấy nhiều vấn đề mang ý nghĩa xã hội - thẩm mỹ sâu sắc. Không ít những thông điệp từ thơ Cao Bá Quát, cho đến hôm nay vẫn còn mang tính thời sự, đáng để cho người hiện đại phải suy ngẫm nhiều. Bài viết đi sâu phân tích, xác định một số đặc điểm của thơ Cao Bá Quát mang tinh thần ấy của nhà thơ.

Từ khóa: Cao Bá Quát, thơ, đặc điểm thơ, tài tử đa cùng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cao Bá Quát nổi lên như một trong những đỉnh cao của bản lĩnh và tài năng thơ. Ông là người giàu khí phách trong đời cũng như trong thơ, là người của trí tuệ anh minh và cảm xúc chất lọc. Xét về mặt số lượng tác phẩm, có thể xếp Cao Bá Quát là một “ngôi sao sáng nhất” trong số các danh gia dưới thời trung đại. Đây là điều đặc biệt bởi sau khi ông bị họa “tru di tam tộc”, mọi vết tích về ông đều có thể bị xóa nhòa, nói gì đến thơ. Thế nhưng dường như sự sáng tạo đã không thể bị cái ác vùi lấp. Độc giả yêu mến thơ ông (có thể là nhân dân và các bậc thức giả) đã bạo gan lưu giữ, truyền lại. Sang thế kỉ XX, thơ văn Cao Bá Quát từng bước được sưu tập, phiên dịch, nghiên cứu và giới thiệu ngày càng rộng rãi hơn. Đến nay sáng tác của ông được đông đảo bạn đọc biết đến (chủ yếu là thơ chữ Hán, khoảng 1000 bài), có thể chỉ là một phần trong di sản văn học (bằng chữ Hán và chữ Nôm) mà ông để lại. Rất cần thiết phải có những công trình phân tích, xác định đặc điểm thơ của một nhân cách và tài năng đặc biệt như Cao Bá Quát.

2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA THƠ CAO BÁ QUÁT

2.1. Thơ Cao Bá Quát - tiếng nói của một bản lĩnh và khí tiết cao cường

Người đương thời gọi Cao Bá Quát và Nguyễn Văn Siêu (bạn thân của ông) là “Thần Siêu, Thánh Quát”. Cao Bá Quát từng xác định: “Văn như con người của nó. Văn thâm hậu thì con người của nó trầm tĩnh, văn ôn nhu thì con người của nó ôn hòa, văn cao khiết thì con người của nó đạm mà giản; văn hùng hồn thì con người của nó cương mà nhanh; văn uyên sâu thì con người của nó thuần túy mà đúng đắn”.

Không khó để nhận ra nét khoáng đạt, cao khiết, mạnh mẽ, rắn rỏi trong tư duy thơ Cao Bá Quát. Cao Bá Quát say sưa ca ngợi cảnh trí non sông đất nước; ca ngợi Hưng Đạo Vương - vị anh hùng cứu nước làm cho quân Nguyên bạt vía kinh hồn; ca ngợi hành động

¹ NCS Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

nghĩa khí của Chu Văn An,... Khí thơ mạnh mẽ, hùng tráng như khí chất, tiết tháo của con người ông. Tuy nhiên do bị tù đầy nhiều trong nhà tù triều Nguyễn, trong thơ ông có tâm trạng uất ức, căm giận. Ông lên án cái gông như là hiện thân của cái ác, sự bất công; cái gông không hề mang ý nghĩa của công lý phán xét:

Gông dài!

Gông dài!

Mày biết thế nào được ai phải và ai trái

Mày chỉ là cái máy làm nhục người đời thôi...

Cao Bá Quát ước cái gông biến thành cái thang mây để ông cưỡi cơn gió và cười xòa bay đi. Ông cũng ví mình như con hạc, con chim hồng bị đau, đã bao lâu không còn hi vọng. Khi được định tội và tạm tha, được đi xuất dương và phục vụ một đoàn ra nước ngoài, ông cảm thấy mình được chấp cánh bay giữa không gian rộng lớn. Ra nước ngoài, được mở mang tầm mắt, ông thấy rõ sự khác nhau trong lối sống của người phương Tây so với người phương Đông.

Vừa là nhà thơ đồng thời cũng là lãnh tụ của phong trào nông dân khởi nghĩa (thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương), Cao Bá Quát là một người có bản lĩnh đặc biệt. Thơ văn của ông cũng thể hiện rất rõ cái bản lĩnh ấy. Cao Bá Quát không ảo tưởng với triều đại nào. Thơ càng về sau càng hào hùng, khoáng đạt. Chia tay với bạn trên sông nước bao la, ông nghĩ đến “chí lớn muôn dặm” (*Thanh Trì phiếm châu nam hạ*), đi qua núi Dục Thúy ước lên đỉnh núi để hát gửi tấm lòng vào mây nước (*Quá Dục Thúy Sơn*)... Ngay cả khi viết về các nhân vật lịch sử, ông cũng ca ngợi những nhân vật có chí khí, có sự nghiệp phi thường (*Vịnh Phù Đổng Thiên Vương, vịnh Chu Văn An*)... Ông cho rằng cuộc đời có ý nghĩa chính là cuộc đời được hoạt động sôi nổi, có cống hiến cho dân cho nước, chứ không phải là tìm lối nhàn tản. Các sáng tác của ông luôn cho thấy cái sùng sững cao lớn, vượt lên cái thấp lè tè của chế độ phong kiến triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX. Các tác phẩm của ông cũng thoát hẳn khỏi vòng “kiềm tỏa của Nho giáo”.

Xuất thân là con quan và cũng là gia đình nho học, nhưng những ràng buộc của Nho giáo không “trói chân” được Cao Bá Quát. Ông có cách nhìn, cách đánh giá riêng của mình về cuộc sống, không phụ thuộc hay cùng điếm nhìn với thế giới quan Nho giáo. *Tài tử đa cùng phú* là một tác phẩm nổi tiếng của ông, vừa có nét gần gũi vừa có những nét khác biệt với *Hàn nho phong vị phú* của Nguyễn Công Trứ. Nguyễn Công Trứ thể hiện cái nghèo của mình trong *Hàn nho phong vị phú* có vẻ chưa chất chịu đựng (có thể Nguyễn Công Trứ vẫn trong vòng “kiềm tỏa” của Nho giáo). Cao Bá Quát lại không như vậy. Cao Bá Quát thấm thía cái nghèo, khinh ghét những kẻ khom lưng cúi gồi hòng cầu danh lợi. Ông cũng không “thi vị” về cái nghèo, càng không tin ở triết lí tuần hoàn hay định mệnh của Nho giáo. Ông tin vào chính mình, chính mình hành động để thay đổi cuộc đời mình:

Bài phú Dương Hùng dù nghiệm tả, thì xin tống bản quý ra đến miền Đông Hải để ta đeo vòng thư kiếm quyết xoay bạch ốc lại lâu dài.

Câu văn Hàn Dũ dấu thiêng chẳng, thì xin tống cùng thân ra đến biển Côn Lôn để ta gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm sang cầm tú... [3; tr.219].

Quan niệm khoáng đạt, rộng mở, có phần ngạo nghễ như thế, không thể nói là quan niệm chính thống của Nho giáo được. Ông nhận ra sự biến đổi của văn chương đương thời, càng đau xót hơn khi biết rằng tình trạng đó là do đường lối văn chương mờ tối, do tục học gây nên. Ý thức của một nhà thơ khiến ông bồn khoăn lo lắng, đồng thời thấy rõ trách nhiệm của mình:

*Đường lối văn chương mờ tối đã tàn
Thói tục học lại càng lệch lạc.
Hạng cao thì tưng sinh đến tột bậc,
Hạng thấp thì đi vào thấp hèn nhỏ mọn
Than ôi! Ta biết theo ai?
Lối kéo lại, ta không còn cách nào nữa chẳng?*

(Năm mươi vần thơ cuộc sống)

Cao Bá Quát nhận thấy rõ sự gò bó trong quy chế trường thi; thấy rõ sự tai hại của cái học khoa cử. Ông chỉ rõ: “Cái khoa học thi cử in sâu vào óc người ta đã mấy trăm năm, tiếng vang của phong nhã hầu như tắt hẳn”. Phải là người có chí khí, bản lĩnh cao cường mới dám đi ngược lại điều mà cả xã hội phong kiến đang theo một “lối mòn”, khuôn sáo cứng nhắc.

2.2. Thơ Cao Bá Quát là tiếng nói của một tâm hồn giàu cảm thông, nặng trĩu suy tư về cuộc sống, về cõi nhân sinh và kiếp người

Thơ Cao Bá Quát dồi dào cảm xúc, đậm chất suy tư, cảm nghĩ. Hai mặt này kết hợp hài hòa, chặt chẽ xuyên suốt trong thơ ông. Ông thường ít khi bó hẹp cảm xúc trong giới hạn cụ thể về đối tượng phản ánh hay miêu tả, mà mở rộng, nâng cao, tự do liên tưởng nhiều hiện tượng xã hội, con người, thế giới nhân sinh... Nhờ chú trọng liên tưởng, nhà thơ đặt ra biết bao nhiêu vấn đề xã hội liên quan. *Bài Dương phụ hành* được viết trong thời gian Cao Bá Quát đi theo một phái đoàn sang Indonesia (ông phải “lập công chuộc tội” - một dạng cải tạo cho những kẻ được triều đình tạm tha). Khi bắt gặp những “bức tranh hạnh phúc thu nhỏ” của đôi vợ chồng người phương Tây “ông như tìm thấy điểm chung nào đó giữa một đất nước xa xôi và dân tộc mình. Ông thấy cảnh quan một đêm trăng trên biển, biển lặng như cuộc đời bình lặng của người phụ nữ phương Tây. Ông cảm nhận được và thể hiện một cách tinh tế “màu trắng như tuyết” của trang phục người phụ nữ phương Tây kia - trang phục màu trắng là màu rất hiếm đối với phụ nữ Việt Nam thời xưa. Dưới cái nhìn của Cao Bá Quát, tư thế ngồi của cô thiếu phụ, ngồi tựa mình vào vai lang quân, ngẩng trắng và nhìn các thương thuyền (trong đó có thuyền của người Nam với ngọn đèn sáng), đây là tư thế ngồi của các cặp tình nhân, những đôi uyên ương, thể hiện sự tự do yêu đương, tự do trao gửi tâm tình, hiếm có trong thơ văn truyền thống của ta. Cũng từ đó ông thấy cuộc sống viên mãn sung túc qua những biểu hiện bề ngoài của người phụ nữ phương Tây. Chi tiết “hững hờ cốc sữa biếng cầm tay” thể hiện cuộc sống trong no đủ, sung túc về vật chất, viên mãn về tinh thần của con người. Bài thơ có 8 dòng, mỗi dòng có 7 chữ, nhưng lại không phải thơ thất ngôn bát cú, loại thơ Đường luật đăng đối nghiêm chỉnh, mà là thuộc thể “*hành*”. Bài thơ có 2 khổ. Khổ đầu lấy vần trắc, khổ sau lấy vần bằng (nhưng trong bản dịch, cả 2 khổ đều vần bằng;

cần chú ý khi phân tích bài thơ này, không nên tán dương từ ngữ và cách hiệp vần ở bản dịch). Bài *Đề sau khúc yên đài anh ngữ của ông Đỗ sát họ Bùi* lại ra đời sau khi Cao Bá Quát công cán ở Indonesia về. Tác giả Yên Đài là người cùng thời với Cao Bá Quát, đi sứ ở Trung Quốc về để lại tập sách trên. Cao Bá Quát tỏ ý cảm phục quyển sách này, bởi nó là cuốn sách cuốn hút, thôi thúc mạnh mẽ. Tuy là người học rộng, tinh thông mọi nhẽ nhưng Cao không muốn vùi đầu vào sách vở. Ông muốn ngang dọc tung hoành trong vũ trụ bao la, tìm kiếm kiến thức đời sống thực tiễn mới thật đáng quý. Khi đọc sách Yên đài, ông ngỡ ra sức cuốn hút của Yên đài trước hết là từ điểm nhìn: ngồi trên “ba thước vông” mà như thấy những dãy núi lớn, những con sông dài, như tiếp xúc được với bao hào kiệt, thánh hiền. Quan trọng hơn là giá trị thực tiễn bởi sách của Đỗ sát họ Bùi là sách viết về những điều mắt thấy tai nghe, vì vậy mà nó sinh động và hấp dẫn, khác hẳn loại sách nói suông, nhằm chán, loại sách văn chương cử tử, văn chương theo lối thi cử sáo mòn. Cao Bá Quát lên án loại sách trường quy, thiếu kiến thức thực tiễn mà ông vẫn học trước đây. Nguyên bản bài thơ là chữ Hán, thể thơ bảy chữ vần trắc. Bản dịch của Hoàng Tạo chủ yếu là 8 chữ, có khi 9 chữ hoặc 10 chữ, nhưng nhịp điệu trong bài dịch nhẹ nhàng, thanh thoát hơn. Đa số dòng thơ 8 chữ đều ngắt theo nhịp ba âm đầu với năm âm cuối. Thơ Cao Bá Quát cũng dùng khá nhiều điển tích cổ trong sử Trung Quốc, điều này hoàn toàn phù hợp với việc văn thơ cổ, thường sử dụng nhiều điển tích có trong kho tàng văn hóa cổ. Mỗi điển tích, tự nó chứa đựng một nội dung thâm mỹ nhất định.

2.3. Thơ Cao Bá Quát là tiếng nói của một tâm hồn thơ, một quan niệm thơ độc đáo

Trước Cao Bá Quát người ta quan niệm thơ có nhiều loại và mỗi loại có một số tính chất nhất định, đảm bảo được thì thơ sẽ hay, bằng không thì sẽ dở. Theo Lê Quý Đôn, “Nói về việc theo hầu nơi đài các thì ôn hòa, nhuần nhị và phong phú; nói về việc đóng quân, đồn thú thì lạnh lùng, hùng tráng. Miêu tả thời tiết, cảnh vật quý ở chỗ thanh tao, đẹp đẽ; miêu tả rừng núi ẩn dật quý ở chỗ nhàn nhã, phóng khoáng. Tỏ bày ý chí cần phải trang trọng; viếng cổ cần phải cảm khái; tặng nhau nên mềm mỏng, lưu luyến”. Nhưng Cao Bá Quát không cho đó là sự khái quát có tính chất toàn diện, không cho đó là những nguyên tắc, công thức mà người cầm bút phải tuân theo. Ông đặt vấn đề theo lối tư duy nghệ thuật: về câu, chữ, vần, nhịp, điệu, vì có như thế mới hợp với thơ, với các thể loại khác như cáo, phú, chiếu, biểu... Theo ông luật lệ là cần thiết, song điều quyết định là tư tưởng, tình cảm của người sáng tác. Ông nói: “Bàn về thơ, tuy phải chú trọng về quy cách, song làm thơ thì phải gốc ở tính tình”. Xét “tính tình” là gốc của thơ, Cao Bá Quát đã đề cập đến một vấn đề cơ bản của sáng tác nghệ thuật, đó là sự rung cảm của người nghệ sĩ. Nghệ sĩ phải rung cảm thật thì thơ mới có hồn, có khả năng truyền cảm, lan tỏa.

Điên đảo xuân tâm bất tự tri

Tây Hồ chân cá thị Tây Thi

Doanh doanh thúy đại ba bình hậu

Khúc khúc quân yêu thảo lục thi

(Lòng xuân nghiêng ngả không tự cảm giữ nổi)

*Tây Hồ quả thật là một nàng Tây Thi
Mặt mày đầy đặn là khi sóng lặng
Lưng người con gái uốn éo là lúc ngọn cỏ xanh)*
(Du Tây Hồ bát tuyệt - bài 2)

Thơ Cao Bá Quát cho thấy nhà thơ rất năng động, đa dạng trong vận dụng các bút pháp (tự sự, trữ tình, miêu tả,...) và các biện pháp tu từ. Chẳng hạn ở bài *Phó nam cung xuất giao môn biệt chư đệ tử*, nhà thơ viết:

*Du từ cổ quốc
Man man hướng trường lộ
Xuất giao thiên vi lương
Hành sắc đái sơ vũ
Đệ tử tổng ngũ hành
Tương tùy bất nhẫn trụ
Khởi thị nhi nữ tình
Yểm diện lệ như chú
Ức ngã tích niên du
Dĩ vi phú danh ngộ
Thử biệt hựu an chi
Vãng sự không hồi thủ.*

Cao Bá Quát đã tuân theo quy luật diễn biến của tư tưởng và tình cảm, do đó phản ánh một cách chân thực nhịp điệu lên xuống của dòng tình cảm tác giả, và cũng do tác giả có một tâm hồn phong phú, một cảm xúc dồi dào.

Từ khi lều chõng đi thi, đến khi buông thanh gươm giữa chiến trường, Cao Bá Quát luôn ôm ấp hoài bão vì dân, vì nước. Tư tưởng yêu nước, thương dân là tư tưởng chính trị tiến bộ, cũng là tư tưởng sáng tạo chủ đạo trong thơ Cao Bá Quát. Hoàn toàn có cơ sở để khẳng định: Thơ Cao Bá Quát “có nội dung tư tưởng cao, có tác dụng giáo dục, động viên, cổ vũ mạnh mẽ”. Cao Bá Quát là người đọc nhiều, đi nhiều, trải nghiệm nhiều, lại có quan niệm thơ độc đáo, có năng lực sáng tạo dồi dào, từ đó, có nhiều bài thơ độc đáo, hấp dẫn...

3. KẾT LUẬN

Thơ Cao Bá Quát là một hiện tượng độc đáo trong thơ ca Việt Nam trung đại. Các sáng tác của Cao Bá Quát cho thấy một phong cách riêng, tài hoa, không chấp vạ, sống sượng mà mạnh mẽ, quyết liệt... Điều đáng tiếc là ông ít làm thơ Nôm, nhất là ở chặng đường văn học chữ Nôm dân tộc đạt đến đỉnh cao với hàng loạt tác phẩm để đời như *Chinh phụ ngâm*, *Truyện Hoa tiên*, *Truyện Kiều*... Càng đáng tiếc hơn khi Cao Bá Quát chưa giám “lấy quốc ngữ làm văn chương” (“lấy quốc ngữ làm văn chương ta chưa dám vậy” - bài tựa của Cao Bá Quát về *Truyện Hoa tiên*). Thơ ông cũng còn dùng nhiều điển tích, điển cố, làm cho người đọc khó hiểu, phải tra cứu công phu. Tính lan tỏa trong thơ ông dường như chỉ giới hạn ở giới “tao nhân, mặc khách”, giới học thuật. Tuy nhiên, một vài hạn chế ấy không hề làm giảm giá trị nhiều mặt của thơ Cao Bá Quát. Từ hiện tượng

thơ Cao Bá Quát, chúng ta tìm thấy nhiều bài học giá trị về tư tưởng chính trị, xã hội, về quan niệm và nghệ thuật sáng tạo thi ca.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Biện Minh Điền (2018), *Một số vấn đề về tư tưởng lý luận phê bình từ di sản văn học quá khứ dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 2.
- [2] Nguyễn Đăng Mạnh, Bùi Duy Tân, Nguyễn Như Ý (2012), *Từ điển tác giả tác phẩm văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hữu Sơn, Đặng Thu Thảo (chủ biên) (2006), *Cao Bá Quát về tác giả tác phẩm*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Bá Thành (2006), *Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỉ X đến thế kỉ XIX những vấn đề lý luận lịch sử*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

SOME CHARACTERISTICS OF CAO BA QUAT'S POETRY

Le Thi Dung

ABSTRACT

Cao Ba Quat (1809-1818) - a great poet, a unique phenomenon in medieval Vietnamese literature. His poetry not only reveals a respectable personality, a respectable scholar (through the image of the author), but also shows many issues of deep social and aesthetic significance. Many messages from Cao Ba Quat's poems are still applicable today, worthy of much reflection for modern people. The article goes in depth to analyze and identify some characteristics of Cao Ba Quat's poetry that bears the spirit of the poet.

Keywords: *Cao Ba Quat, poetry, poetic characteristics, unlucky actor.*

* Ngày nộp bài: 4/10/2019; Ngày gửi phản biện: 6/10/2019; Ngày duyệt đăng: 8/11/2019